

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PAO VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PAO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PAO VIET NAM SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0106259700

3. Ngày đăng ký thành lập: 08/08/2013

4. Địa chỉ trụ sở chính: Số 59, phố Kiên Trung, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 01685.785.587

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
2.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày ((Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường;))	5510
3.	Bán buôn thực phẩm	4632
4.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
5.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
6.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
7.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
8.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
9.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;)	4772
10.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) ((Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường;))	5621
11.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
12.	Khai thác gỗ	0221
13.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
14.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
15.	Sản xuất rượu vang	1102
16.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103

17.	Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết: - Cho thuê người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch;)	4932
18.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
19.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
20.	Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: - Đại lý;)	4610
21.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi ((Không bao gồm hành nghề thú y))	0162
22.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
23.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
24.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
25.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
26.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động ((Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường;))	5610
27.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
28.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
29.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
30.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
31.	Đại lý du lịch	7911
32.	Điều hành tua du lịch	7912
33.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
34.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
35.	Cho thuê xe có động cơ	7710
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật))	8299

37.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện ; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm ; - Bán buôn dụng cụ y tế; - Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; - Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi (Trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội))	4649
38.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
39.	Bán buôn đồ uống	4633(Chính)
40.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
41.	Chăn nuôi lợn	0145
42.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
43.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (Chi tiết: - Khai thác củi, luồng, vầu, tre, nứa, cây đặc sản, song mây;)	0222
44.	Trồng cây ăn quả	0121
45.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
46.	Chăn nuôi gia cầm	0146
47.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
48.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt ((Không bao gồm hoạt động phun thuốc bảo vệ thực vật, phòng chống sâu bệnh cho cây trồng, kích thích tăng trưởng, bảo hiểm cây trồng);)	0161

Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam:

6. Vốn điều lệ: 4.800.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 100.000 VNĐ/Cổ phần

Tổng số cổ phần: 0

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Vốn pháp định: 0 VNĐ

9. Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (chứng thực cá nhân) đối với cá nhân; MSD N đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN TRUNG DŨNG	Tổ Kiên Trung, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	38.400	3.840.000.000	80	012382522	
			Tổng số	38.400	3.840.000.000	80		
2	DƯƠNG THỊ CAM	Tổ Kiên Trung, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.800	480.000.000	10	011250799	
			Tổng số	4.800	480.000.000	10		
3	NGUYỄN THANH BÌNH	Tập thể ô tô 3, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.800	480.000.000	10	012736216	
			Tổng số	4.800	480.000.000	10		

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN TRUNG DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Ngày sinh: 15/11/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012382522

Ngày cấp: 16/10/2010

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ Kiên Trung, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ Kiên Trung, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký:

Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội